

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09/04/2025
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Tiến
2. Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy L – Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Trần Cao V, sinh năm 1945, có mặt

Địa chỉ: Số A B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ *Bị đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm 1952, có mặt

Địa chỉ: Số A B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/07/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Cao V trình bày:

Ông Trần Cao V và bà Ngô Thị Ngọc C sống từ năm 1987 có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1987 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 05/07/2000, ông V và bà N ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/QĐTTLH ngày 05 tháng 07 năm 2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, để bà N làm thủ tục đi nước ngoài đoàn tụ với gia đình nhưng sau đó bà N không đi nước ngoài nữa. Đến ngày 02/04/2015 ông V, bà N

đăng ký kết hôn lại tại UBND phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy đăng ký kết hôn số 030/2015 ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra bất hòa, bà N luôn có thái độ xúc phạm nên ông V không thể chịu đựng được, mặc dù ông bà sống chung một nhà nhưng không quan tâm và tự ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt ông V yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Không có, nhưng có chị Trần Thị Hồng V1, sinh năm 1980 là con riêng của bà N nhưng giấy khai sinh vẫn mang họ của ông V1 và đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Bà Ngô Thị N và ông Trần Cao V đăng ký kết hôn ngày 07/11/1987 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 05/07/2000 ông bà ly hôn theo Quyết Định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/QĐTTLH ngày 05 tháng 07 năm 2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để bà N làm thủ tục đi nước ngoài đoàn tụ với gia đình, nhưng sau đó bà N không đi nước ngoài. Đến ngày 02 tháng 04 năm 2015 ông bà đăng ký kết hôn trở lại tại UBND phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy đăng ký kết hôn số 030/2015 ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, ông V về sinh sống tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau đó ông V trở về Vũng Tàu và tỏ thái độ hung hăng, dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm bà N và yêu cầu tòi ly hôn, bán nhà đồng thời chia tài sản cho ông nhưng bà N không đồng ý nên ông V xin ly hôn đơn phương, ngoài ra ông V ngoại tình với người phụ nữ khác nên mới về đòi ly hôn, chia tài sản với bà N.

Cho đến nay ông bà cũng đã trên 70 tuổi, tuy không có con chung nhưng khi tiến tới hôn nhân với ông V thì vẫn đăng ký kết hôn và được chính quyền địa phương công nhận, bà N đã có con riêng trước khi kết hôn với ông V, trên thực tế khai sinh của con tòi Trần Thị Hồng V1, sinh năm 1980 thì tên cha vẫn là Trần Cao V. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, còn Trần Thị Hồng V1, sinh năm 1980 là con riêng của bà N và đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; việc thụ lý vụ án của

Tòa án đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn ông V1 được ly hôn với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Cao V và bà Ngô Thị Ngọc C sống từ năm 1987 có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1987 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 05/07/2000, ông V và bà N ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/QĐTTLH ngày 05 tháng 07 năm 2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để bà N làm thủ tục xuất cảnh đi nước ngoài đoàn tụ với gia đình nhưng sau đó bà N thay đổi ý định vẫn sinh sống tại Việt Nam. Đến ngày 02/04/2015 ông V, bà N đăng ký kết hôn lại tại UBND phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy đăng ký kết hôn số 030/2015 ngày 02 tháng 04 năm 2015.

Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, Vì vậy mặc dù ông bà sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Về phía bà N cũng thừa nhận trong năm gần đây ông bà ít tâm sự với nhau, do tuổi cao sức yếu rất cần sự nương tựa lẫn nhau nên bà N không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử có phân tích động viên ông V trở về đoàn tụ nhưng ông V vẫn cương quyết ly hôn. Phía bà N mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để ông V thay đổi ý định ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương ghi nhận việc vợ chồng ông V, bà N có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ lý do. Còn ông V cho rằng gia đình ông tranh cãi về lời nói nên địa phương sẽ không nắm bắt được chuyện nội bộ của gia đình ông V. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V, bà N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Vì vậy yêu cầu của ông V xin ly hôn với bà N là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ông V, bà N không có con chung, tuy nhiên chị Trần Thị Hồng V1, sinh năm 1980 là con riêng của bà N nhưng giấy khai sinh vẫn mang họ của ông V1 và đã trưởng thành nên ông V1, bà N không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông V1, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do ông V1 là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 300.000đ, tuy nhiên ông V1 hiện đã trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Bà N không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Cao V đối với bà Ngô Thị N về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Cao V được ly hôn với bà Ngô Thị N.

2. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Cao V và bà Ngô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Cao V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, do ông Trần Cao V là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Bà Ngô Thị N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Hồ Sỹ Tiến – Vũ Văn Chương Phan Thị Yến O

